

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST

08-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Nương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân.

2. Ông Lê Hữu Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Hải Yên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022. Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Bé N**, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp T L, xã Trí B, huyện C T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh **Lê Quốc N1**, sinh năm 1975; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp T L, xã Trí B, huyện C T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bé N trình bày:

Chị và anh Lê Quốc N1 sống chung như vợ chồng vào năm 2000, không có tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh

phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Anh N1 đam mê cờ bạc, thường xuyên chửi chị và đánh đập chị. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng đã thực sự không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị làm đơn xin ly hôn với anh N1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Bé H, sinh ngày 01/01/2000 và Huỳnh Văn L, sinh ngày 24/01/2003. Do con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Quốc N1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N1 không đến phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, chị N, anh N1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Bé N đối với anh Lê Quốc N1. Không công nhận chị Huỳnh Thị Bé N và anh Lê Quốc N1 là vợ chồng. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Bé H, sinh ngày 01/01/2000 và Huỳnh Văn L, sinh ngày 24/01/2003. Do con đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị Bé N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lê Quốc N1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị N, anh N1.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị N thấy rằng: Chị và anh N1 chung sống với nhau năm 2000 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản

1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc chung sống giữa chị N và anh N1 không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị N có yêu cầu ly hôn với anh N1; Căn cứ khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị Bé N và anh Lê Quốc N1.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Bé H, sinh ngày 01/01/2000 và Huỳnh Văn L, sinh ngày 24/01/2003. Do con đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

Nợ chung: Chị N trình bày không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Đối với anh Lê Quốc N1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc nhưng anh vắng mặt không đến phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

[5]. Về án phí: Do chị Huỳnh Thị Bé N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Anh Lê Quốc N1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53; Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Huỳnh Thị Bé N và anh Lê Quốc N1 là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Bé H, sinh ngày 01/01/2000 và Huỳnh Văn L, sinh ngày 24/01/2003. Do các con đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Bé N không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Bé N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Bé N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu 0017225 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Ghi nhận chị N đã nộp xong.

Anh Lê Quốc N1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Tập án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Phạm Thị Kim Nương